TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XÍN MẦN** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/5/2018
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MẦN, TỈNH HÀ GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nông Xuân Trường

2. Bà: Vương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Anh Giàng Seo T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang có mặt.

2. Bị đơn:

Chị Lù Thị N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017, tại các bản trình bày có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Giàng Seo T trình bày:

Về hôn nhân:

Năm 1993 anh Giàng Seo T được hai bên gia đình tổ chức kết hôn với chị Lù Thị N theo phong tục địa phương. Lúc đó anh T mới 13 tuổi chưa hiểu biết gì. Cuộc sống vợ chồng ngay sau khi kết hôn đã nảy sinh những bất hòa, hai vợ

chồng đều ở tuổi vị thành niên hầu như chưa có sự chuẩn bị gì về cuộc sống gia đình. Hai người không có tình cảm yêu thương nên sự tôn trọng trong cuộc sống hàng ngày rất ít, không có sự chăm sóc giúp đỡ và hầu như bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Mâu thuẫn gia đình thực sự trầm trọng từ sau khi chị Lù Thị N sinh cháu Giàng Seo T năm 2002, hai vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ năm đó đến bây giờ. Ngày 18 tháng 8 năm 2017 trước sự chứng kiến của hai bên gia đình nội ngoại và sự có mặt của lãnh đạo thôn C thị trấn C huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang cùng hòa giải và thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung, thống nhất ly hôn không ai ràng buộc ai, anh T và chị N không ai còn trách nhiệm gia đình với nhau nữa. Từ khi gia đình tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương cho anh T và chị N đến nay, hai vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Anh Giàng Seo T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Xín Mần giải quyết ly hôn với chị Lù Thị N.

Về con:

Con riêng, không có. Con chung, anh Giàng Seo T và chị Lù Thị N có hai con chung là cháu Giàng Thị B, sinh ngày 25/8/1998 và cháu Giàng Seo T, sinh ngày 20/8/2002. Anh Giàng Seo T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị Lù Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ gia đình tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 27/02/2018 bị đơn chị Lù Thị N trình bày:

Về hôn nhân:

Chị Lù Thị N thừa nhận chị và anh Giàng Seo T kết hôn từ năm 1993 do gia đình hai bên sắp đặt và tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Lúc kết hôn chị N mới 15 tuổi chưa biết gì, gia đình bảo sao thì làm vậy. Trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng chưa đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Từ năm 2002 hai vợ chồng đã sống ly thân đến bây giờ. Chị N đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung:

Chị Lù Thị N và anh Giàng Seo T có hai con chung là cháu Giàng Thị B, sinh ngày 25/8/1998 và cháu Giàng Seo T, sinh ngày 20/8/2002. Chị N đề nghị hiện tại cháu Giàng Thị B đã hơn 18 tuổi và hiện đang đi học đại học tại Thái Nguyên, anh Giàng Seo T phải có trách nhiệm chu cấp tiền ăn học cho cháu B đến khi cháu ra trường. Chị N đồng ý để anh Giàng Seo T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đến khi trưởng thành. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ gia đình tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 1 Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử không công nhận chị Lù Thị N và anh Giàng Seo T là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Giàng Thị B, sinh ngày 25/8/1998 đã thành niên. Cháu Giàng Seo T, sinh ngày 20/8/2002 giao cho anh Giàng Seo T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lù Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn anh Giàng Seo T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn chị Lù Thị N đồng ý ly hôn và đồng ý để anh Giàng Seo Tỏa nuôi con chung. Anh Giàng Seo T và chị Lù Thị N chỉ tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là vụ án *"Không công nhận vợ chồng, nuôi con chung*", Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang đã tống đạt thông báo thụ lý và nhiều lần tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Lù Thị N không chấp hành gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và việc hòa giải không thể tiến hành được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lù Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền:*

Nguyên đơn, bị đơn đều trú tại thị trấn C, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Giàng Seo T và chị Lù Thị N kết hôn với nhau từ năm 1993, khi đó anh T 13 tuổi, chị N 15 tuổi là vi phạm về độ tuổi kết hôn theo Điều 5 Luật hôn nhân năm 1986. Từ năm 2000 trở đi anh T, chị N đủ tuổi kết hôn theo Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 9 Luật hôn nhân năm 2000. Trong suốt quá trình chung sống từ năm 2000 đến nay, anh T và chị N có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay có yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Xín Mần thụ lý nhưng xác định việc chung sống giữa anh T và chị N là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng với nhau nên không công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con:* Con riêng, không có. Con chung, anh Giàng Seo T và chị Lù Thị N có hai con chung là cháu Giàng Thị B, sinh ngày 25/8/1998 và cháu Giàng Seo T, sinh ngày 20/8/2002. Anh Giàng Seo T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu. Hiện tại cháu B đã trên 18 tuổi và đang đi học chuyên nghiệp tại Thái Nguyên. Chị Lù Thị N đề nghị anh T phải chu cấp toàn bộ tiền ăn học cho cháu B đến khi cháu B ra trường. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Giàng Thị B đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét đề nghị của anh Giàng Seo T và chị Lù Thị N. Đối với yêu cầu của anh Giàng Seo T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giàng Seo T đến khi trưởng thành. Không yêu cầu chị Lù Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Với yêu cầu này của anh Giàng Seo T, tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 27/02/2018 chị Lù Thị N có ý kiến đồng ý để anh Giàng Seo T được nuôi cháu T đến khi trưởng thành. Tại đơn đề nghị ngày 17/01/2018 cháu Giàng Seo T đề nghị được ở với bố là anh Giàng Seo T vì bố có điều kiện chăm sóc cháu học hành tố hơn mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy việc giáo cháu Giàng Seo T cho anh Giàng Seo T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3.3] *Về quan hệ tài sản:* Giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có đơn đề nghị.

[4] *Về án phí:*

Anh Giàng Seo T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng Seo T và chị Lù Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Seo T, sinh ngày 20/8/2002 cho anh Giàng Seo T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng tự túc lao động được. Chị Lù Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lù Thị N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí: Anh Giàng Seo T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 03872 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Anh Giàng Seo T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Giàng Seo T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Lù Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- VKSND h. Xín Mần;
- Chi cục THADS huyện Xín Mần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Bình